# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của luận án

 Trong quá trình phát triển, hầu hết các thành phố lớn đều phải quy hoạch lại không gian đô thị, xây dựng mới cho phù hợp với quá trình phát triển và đô thị hoá (ĐTH), đòi hỏi phải có sự di dời, tái định cư (TĐC) một số bộ phận dân cư có liên quan.

*Về mặt lý thuyết*, quá trình TĐC là các công việc giải toả, di dời từ nơi này đến nơi khác, TĐC còn liên quan đến rất nhiều vấn đề như: sở hữu tài sản, các mối quan hệ kinh tế, việc làm, học hành, y tế, sự tiếp cận các dịch vụ đô thị, nhà ở và các mối quan hệ xã hội… Các nghiên cứu ở một số nước trong khu vực và đặc biệt là Việt Nam cho thấy công tác di dời, GPMB, TĐC trong các dự án phát triển đang gặp phải những khó khăn trong việc giải quyết hài hoà mối quan hệ kinh tế, xã hội của người dân bị ảnh hưởng. Nhìn chung, những nghiên cứu thường cụ thể hóa tại từng dự án hoặc cụm dự án TĐC, chỉ dừng lại ở việc làm thế nào để đẩy nhanh tiến độ dự án. Trên thực tế, việc chuẩn bị quỹ nhà, đất TĐC vẫn được coi là việc làm sau khi dự án đã giải phóng xong mặt bằng trong khi việc này lẽ ra phải được tiến hành đồng thời ngày từ lúc triển khai dự án, thậm chí còn phải chuẩn bị trước hết, và chưa có những nghiên cứu sâu về đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC một cách toàn diện và cụ thể.

*Về mặt thực tiễn,* việc thu hồi đất, đền bù, GPMB, tổ chức TĐC luôn được coi là công việc hết sức phức tạp, nhạy cảm, luôn là vấn đề nóng và được quan tâm sâu sắc. Hà Nội là một trong 2 đô thị loại đặc biệt, là thành phố Thủ đô, lại có điều kiện đặc thù mở rộng địa giới hành chính (năm 2008) lên gấp 3 lần so với trước đây với diện tích 3.324 km2, dân số trên 7 triệu người và ngày càng tăng nhanh. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và xã hội của thành phố đang chịu sức ép rất lớn do dân số tăng nhanh và nhu cầu phát triển. Việc chỉnh trang và xây dựng mới hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội là một yêu cầu rất cấp thiết… Do vậy, về lâu dài, dù có cố gắng hạn chế tối đa việc di dời, TĐC khi thực hiện các dự án nhưng việc các hộ dân trong diện TĐC bị ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, xã hội vẫn ở quy mô không nhỏ. Tuy nhiên, tại các khu TĐC được xây dựng trong thời gian gần đây có rất nhiều bất cập như: chất lượng nhà TĐC thấp; thu nhập của người dân không ổn định và khó khăn; đời sống văn hoá tinh thần của người dân tại các khu TĐC không được cải thiện so với nơi ở cũ; việc đảm bảo các điều kiện vật chất phục vụ đời sống như chợ búa, y tế, giáo dục, nhân hộ khẩu của người dân còn hạn chế. Điều này tạo nên áp lực cho việc di dời, TĐC trong qúa trình phát triển của Thành phố.

Việc tiến hành lựa chọn đề tài luận án ***“Quá trình TĐC ở Hà Nội: nghiên cứu sự tác động đến động đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân”*** là thực sự cần thiết. Trên phương diện cả lý thuyết lẫn thực tiễn chưa có một nghiên cứu nào về vấn đề này một cách hệ thống, toàn diện về tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC đầy đủ, khách quan. Hơn nữa, nghiên cứu về quá trình TĐC và những ảnh hưởng tới đời sống kinh tế, xã hội của người dân chắc chắn sẽ được chính quyền và các cấp, ngành, các nhà khoa học và dư luận quan tâm sâu sắc.

## 2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

**2.1. Mục đích nghiên cứu:**

- Tập trung phân tích, làm rõ một số nội dung lý thuyết về TĐC và tác động đến đời sống kinh tế, xã hội; quá trình phát triển lý thuyết cũng như hình thành cơ chế, chính sách của Nhà nước Việt Nam về TĐC;

- Nghiên cứu, đánh giá các đặc điểm kinh tế, xã hội các hộ gia đình ở nơi ở mới tại các khu TĐC để phát hiện tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội;

- Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm bảo đảm đời sống kinh tế, xã hội cho người dân TĐC ở Hà Nội.

**2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:**

- Giải quyết vấn đề khoa học: Xây dựng khung lý thuyết về TĐC và tác động đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC; nhận diện các yếu tố kinh tế, xã hội của người dân TĐC và làm rõ cơ chế tác động của quá trình TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội, tiến tới đảm bảo ổn định bền vững đời sống của người dân TĐC.

- Giải quyết vấn đề thực tiễn: Phân tích và đánh giá thực trạng chính sách TĐC và tác động của quá trình TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân, trên cơ sở đó đề xuất một số quan điểm và giải pháp nhằm đảm bảo ổn định bền vững đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC ở Hà Nội.

Từ vấn đề nghiên cứu cũng như mục đích, nhiệm vụ của nghiên cứu dẫn đến các câu hỏi nghiên cứu sau: (1) TĐC tác động đến đời sống kinh tế, xã hội như thế nào? (2) Những giải pháp nào nhằm đảm bảo ổn định bền vững đời sống kinh tế, xã hội cho người dân TĐC ở Hà Nội?

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

**3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của dân TĐC. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu đánh giá tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân rất rộng. Trên cơ sở những vấn đề về lý thuyết, tác giả tập trung nghiên cứu về vai trò của Nhà nước đối với TĐC trong đó chú trọng phân tích các cơ chế, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực TĐC, thực trạng quá trình TĐC của thành phố Hà Nội và hiện trạng đời sống kinh tế, xã hội của người dân đã ở nơi ở mới (tại các khu TĐC); đề xuất một số quan điểm và giải pháp đảm bảo bền vững đời sống kinh tế, xã hội của người TĐC.

**3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi nội dung: nghiên cứu, đánh giá tác động của quá trình TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân. Sự so sánh thực hiện theo thời gian (so sánh trước và sau khi thực hiện dự án) và theo không gian (so sánh cuộc sống ở nơi ở mới sau khi di dời với ở nơi ở cũ) với đối tượng là hộ gia đình TĐC.

- Phạm vi không gian: Luận án được tiến hành nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tập trung vào các trường hợp GPMB, thu hồi đất, TĐC trong quy hoạch, liên quan đến quá trình xây dựng các dự án phát triển.

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2000 đến nay, đặc biệt tập trung trong giai đoạn 10 năm trở lại đây.

## 4. Những đóng góp mới của luận án

- Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về TĐC và tác động đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn.

- Phân tích, đánh giá tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân tại các khu TĐC ở Hà Nội qua việc phân tích, đánh giá mang tính kế thừa các công trình nghiên cứu, tài liệu, số liệu khoa học đã nghiên cứu về vấn đề này. Đồng thời, luận án cũng tiến hành tổ chức điều tra nhỏ tại thực địa để khẳng định cũng như làm rõ thêm các nhận định, những phát hiện qua số liệu điều tra đã thu thập được.

- Đề xuất các quan điểm và giải pháp, kiến nghị chính sách để đảm bảo ổn định bền vững đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC ở Hà Nội.

## 5. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình của tác giả, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 5 chương.

**Chương 1**

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN

## 1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Trên thế giới, các công trình nghiên cứu về TĐC bắt đầu xuất hiện từ những năm 1960, 1970 của thế kỷ trước. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, các nghiên cứu về TĐC mới nổi lên và được quan tâm sâu sắc. Các công trình nghiên cứu tập trung vào một số vấn đề sau:

- Các nghiên cứu về đền bù, bồi thường, đi sâu phân tích những lý thuyết về bồi thường, TĐC và cho rằng việc dùng các phương pháp kinh tế học thông thường khó có khả năng nghiên cứu về những vấn đề khác ngoài đền bù, TĐC. Các tác giả mới chỉ tập trung nghiên cứu chính sách, đề xuất đổi mới hệ thống pháp luật chứ chưa đi vào nghiên cứu bản chất của việc thu hồi đất, TĐC.

- Các nghiên cứu về di dời, tổ chức TĐC trong quá trình phát triển, liên quan đến các vấn đề kinh tế, cưỡng bức di dời. Các phương pháp kinh tế được sử dụng trong các dự án TĐC của World Bank, của các nhà tài trợ và một số chính phủ tập trung vào các yếu tố cơ bản trong GPMB, di dời TĐC là vấn đề đền bù, trong đó quan trọng nhất là khoản đền bù về nhà và đất cũng như đề xuất thay đổi, cải cách hệ thống chính sách, các luật và khung khổ pháp lý để đảm bảo công bằng trong đền bù, tránh nguy cơ bần cùng hóa.

### - Các nghiên cứu về sinh kế và các biện pháp phục hồi sinh kế của người dân TĐC đã chỉ ra những thiếu sót, hạn chế trong lập kế hoạch cho hoạt động TĐC, trong đó thiếu những biện pháp phục hồi sinh kế. Các nghiên cứu cũng cho thấy chính sách TĐC tốt có thể huy động tốt hơn các nguồn lực ngân sách cho TĐC và các nguồn tài nguyên mới được tạo ra bởi bản thân dự án nhằm cải thiện điều kiện kinh tế của các người dân TĐC và cho phép họ chia sẻ lợi ích trong phát triển. Một số nghiên cứu các ảnh hưởng tiêu cực và tích cực của TĐC bắt buộc, ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách, triển vọng hồi phục của những người TĐC, sự hồi phục sinh kế xét ở góc độ kinh tế…

- Về mô hình lý thuyết (IRR)- rủi ro bần cùng hóa và phục hồi sinh kế của Cernea và cộng sự phát triển vào những năm 1990s. Phát hiện các nguy cơ đói nghèo và rủi ro phải đối mặt và tìm ra được cách thức làm cho người bị ảnh hưởng giảm thiểu đối mặt với nguy cơ nghèo đói và có thể phục hồi sinh kế khi họ được tham gia trong quá trình chia sẻ lợi ích của dự án. Các tác giả đã dùng các phương pháp tiếp cận kinh tế học và xã hội học để phân tích và sử dụng mô hình này vào những nghiên cứu cụ thể trong các công trình nghiên cứu về TĐC được các tác giả trên thế giới áp dụng khá rộng rãi, đặc biệt là khi đánh giá về sinh kế của người bị ảnh hưởng.

## 1.2. Tình hình nghiên cứu tại Việt Nam

Tại Việt Nam, có các nghiên cứu về TĐC, tập trung ở một số vấn đề chủ yếu sau:

- Nghiên cứu về chính sách TĐC chủ yếu tập trung vào đánh giá nội dung của các Nghị định, Thông tư quy định về mặt pháp lý đối với việc đền bù, giải tỏa và trách nhiệm của Nhà nước đối với người bị giải tỏa; đồng thời chỉ ra những khiếm khuyết và hạn chế của chính sách hiện hành trên cơ sở so sánh sự khác biệt giữa chính sách TĐC của Việt Nam với chính sách TĐC của các tổ chức quốc tế.

### - Nghiên cứu về đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC đã khái quát về tình hình thực hiện các chính sách đền bù, TĐC cho những người dân bị ảnh hưởng bởi các dự án phát triển; xác định mục tiêu TĐC là đảm bảo sau khi TĐC, những người bị ảnh hưởng bởi dự án ít nhất đạt tới mức sống như họ lẽ ra có được nếu không có dự án. Tập trung phân tích thực trạng đời sống, việc làm của người bị thu hồi đất, đề xuất những thay đổi về chính sách, khung khổ pháp lý về GPMB, TĐC; đánh giá thực trạng an sinh xã hội của người dân sau khi bị thu hồi đất. Ngoài ra, hàng loạt các nghiên cứu khác chủ yếu dựa trên cơ sở các điều tra xã hội học để thu thập số liệu thống kê nhằm phát hiện và đề xuất chính sách.

Có thể khẳng định rằng, ở Việt Nam, các nghiên cứu về TĐC chủ yếu tiếp cận trên phương diện phân tích cơ sở pháp lý, tức là quan tâm xem xét các cơ chế chính sách hiện hành về giải tỏa đền bù, TĐC. Việc nghiên cứu về tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân chưa được quan tâm.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VỀ TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TÁC ĐỘNG  ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN

## 2.1. Những vấn đề chung về tái định cư

### 2.1.1. Khái niệm tái định cư

Luận án trình bày quan niệm, khái niệm về TĐC dưới nhiều góc độ tiếp cận: thông thường, pháp luật, lợi ích – chi phí và đi đến kết luận: *TĐC được hiểu là tất cả những biện pháp của các bên liên quan (bao gồm cơ quan quản lý Nhà nước, doanh nghiệp và người dân) được tiến hành để đảm bảo/khôi phục đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC khi thực hiện các dự án phát triển.*

### 2.1.2. Các khái niệm về GPMB, đền bù, bồi thường và hỗ trợ

Khi nghiên cứu về TĐC, không thể không nghiên cứu những vấn đề về GPMB, đền bù khi thu hồi đất để có cái nhìn toàn diện và cụ thể hơn về TĐC. GPMB vừa là tiền đề trực tiếp vừa là nguyên nhân của TĐC.

*- GPMB:* Theo quan niệm ở Việt Nam, GPMB là quá trình thực hiện các công việc liên quan đến việc di dời nhà cửa, cây cối, công trình xây dựng và một bộ phận dân cư trên một phần đất nhất định được quy hoạch cho việc cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới công trình.

*- Đền bù:* Đền bù là khái niệm dùng để chỉ sự đền đáp lại những thiệt hại do hoạt động của chủ thể gây ra.

*- Bồi thường:* Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại là khái niệm có thể bù đắp những gì bị tước đoạt cả về vật chất lẫn tinh thần, tước quyền sở hữu và bần cùng hóa kinh tế khi tổ chức GPMB, TĐC.

- *Thu hồi đất:* Theo các quy định hiện hành ở Việt Nam, thu hồi đất là việc cơ quan hành chính Nhà nước ra quyết định hành chính nhằm thu lại quyền sử dụng đất hoặc đất của tổ chức, cá nhân được giao trước đó theo các quy định của Luật đất đai.

### 2.1.3. Đặc điểm, vai trò, bản chất và các hình thức TĐC

*- Các hình thức TĐC:* Các nghiên cứu cho thấy có nhiều hình thức TĐC: TĐC tự nguyện, TĐC không tự nguyện, TĐC bắt buộc, TĐC không bắt buộc, TĐC theo kế hoạch, TĐC không theo kế hoạch, TĐC tự phát

- *Vai trò của TĐC:* Quá trình TĐC là quá trình tất yếu để ổn định và phát triển. TĐC đóng góp vai trò quan trọng trong việc di dân, tái phân bố dân cư, tái bố trí mục đích sử dụng đất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân….

*- Bản chất của TĐC:* Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, bản chất của TĐC chính là quá trình ĐTH. Phát triển đô thị thực chất là quá trình TĐC, việc quản lý phát triển các khu đô thị mới có ý nghĩa quyết định tới chính sách TĐC.

*- Đặc điểm của TĐC:* Đặc điểm của TĐC là một quá trình đa dạng và phức tạp. Nó thể hiện khác nhau đối với mỗi dự án, liên quan trực tiếp đến lợi ích của các bên tham gia và lợi ích của toàn xã hội.

Trong phạm vi luận án này, *quá trình tái định cư được hiểu chính là quá trình từ lập kế hoạch thực hiện các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội, triển khai thực hiện GPMB, thu hồi đất, tổ chức đền bù, hỗ trợ và di dời TĐC cho người dân từ nơi ở cũ đến nơi ở mới.*

**2.2. Tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân**

### 2.2.1. Đời sống kinh tế, xã hội

*- Đời sống kinh tế:* là tổng thể các yếu tố kinh tế liên quan đến cuộc sống của con người, là các mối quan hệ vật chất trong quá trình sản xuất, trao đổi, phân phối và lưu thông trong một thời gian và không gian nhất định. Nói đến đời sống kinh tế chính là đề cập tới nội dung sở hữu và lợi ích.

*- Đời sống xã hội:* là tổng thể các hiện tượng phát sinh do tác động lẫn nhau của các chủ thể xã hội và cộng đồng trong những không gian và thời gian nhất định, là tổng thể các hoạt động xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu con người.

### 2.2.2. Tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội

Luận án nghiên cứu một số mô hình lý thuyết về TĐC cũng như đánh giá tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội như: Lý thuyết TĐC phổ biến; Lý thuyết của Scudder – Colson; Lý thuyết của De Wet; Lý thuyết của Chambers; Khung sinh kế bền vững (DFID)… Những mô hình lý thuyết trên đây là tiền đề, điều kiện để ra đời Lý thuyết rủi ro bần cùng hóa và phục hồi sinh kế (IRR) trong nghiên cứu về tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội.

### 2.2.3. Lý thuyết rủi ro bần cùng hóa và phục hồi sinh kế (IRR)

Lý thuyết IRR của Cernea phát triển trong những năm 1990 nhằm khẳng định một mô hình lý thuyết xác định những rủi ro bần cùng hóa phát sinh từ nội tại của quá trình TĐC bắt buộc và các quy trình cần thiết cho việc khôi phục đời sống của người bị di dời. Cernea đã phát triển một mô hình lý thuyết để giải thích nguyên nhân của sự bần cùng hóa/đói nghèo (rủi ro) và cách thức giải quyết những rủi ro này nhằm tạo dựng lại/phục hồi sinh kế gồm tám rủi ro chính, được nhóm thành ba vấn đề: kinh tế, xã hội, văn hóa.

*- Các rủi ro bần cùng hóa chủ yếu trong TĐC:* (1) Mất đất đai. (2) Tình trạng mất việc làm. (3) Tình trạng mất nhà cửa/ vô gia cư. (4) Bị gạt ra ngoài lề. (5) Mất an ninh lương thực. (6) Tăng bệnh tật và tử vong. (7) Mất khả năng tiếp cận với các tài sản và dịch vụ công cộng. (8) Chia cắt xã hội.

*- Các quy trình cơ bản của phục hồi sinh kế:* (1) Từ không có đất đến có đất, và từ thất nghiệp đến có việc làm; (2) Từ mất nhà cửa đến xây dựng lại nhà;(3) Từ chia cắt xã hội đến tổ chức lại cuộc sống cộng đồng, từ bị gạt ra ngoài lề đến hòa đồng vào xã hội, và từ bị tước đoạt đến việc phục hồi tài sản, dịch vụ công cộng; (4) Từ mất an ninh lương thực đến đầy đủ về dinh dưỡng, và từ gia tăng về bệnh tật đến chăm sóc y tế tốt hơn.

Lý thuyết IRR đã chỉ ra các biện pháp phục hồi sinh kế trên cơ sở đánh giá, phân tích các tác động rủi ro mà cụ thể cần tập trung vào: (1) Rủi ro bần cùng hóa có thể xảy ra những khi nhận diện rõ sẽ bị giảm thiểu và đảo ngược dẫn đến TĐC thành công; (2) Phục hồi sinh kế, tuy trong quá trình sẽ rất khó khăn, nhưng hoàn toàn khả thi cùng các hướng dẫn cụ thể; (3) Cần nhân rộng lý thuyết để phát huy các nghiên cứu tiếp theo về TĐC.

### 2.2.4. Khung lý thuyết về tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội

Căn cứ các lý mô hình thuyết cũng như thực tiễn công tác TĐC hiện nay ở Việt Nam nói chung, thành phố Hà Nội nói riêng, việc ứng dụng lý thuyết IRR trong nghiên cứu TĐC là khá phù hợp và khả thi. Việc vận dụng các mô hình lý thuyết về rủi ro bần cùng hóa và phục hồi sinh kế (IRR) của M. Cernea kết hợp với mô hình khung sinh kế bền vững của (DFID) đã phân tích ở trên để xây dựng khung lý thuyết về TĐC và tác động đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân là phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án. Cụ thể được mô tả ở hình dưới đây:

Quá trình TĐC

Việc làm

Cơ chế, chính sách về TĐC

Đời sống KTXH của ng dân bị di dời

**Bối cảnh**

**sinh kế**

Nhà cửa

Y tế, GD

**Đời sống KT-XH**

**(Vốn sinh kế)**

**Mục tiêu TĐC**

**(Kết quả sinh kế)**

Nâng cao đời sống kinh tế

Văn hóa

Đất đai

ANTT, VS môi trường

**Biện pháp đảm bảo đời sống KTXH**

**(Chiến lược sinh kế)**

Đảm bảo, nâng cao đời sống KT,XH của người dân TĐC về mọi mặt: Việc làm, thu nhập bằng hoặc tốt hơn; sở hữu nhà cửa, đất đai rõ ràng, minh bạch; dễ tiếp cận dịch vụ Y tế, giáo dục, dịch vụ công; đảm bảo an ninh trật tư và VSMT; văn hóa

Dịch vụ công

Phục hồi đời sống xã hội

**Hình 2.1: Khung nghiên cứu TĐC và tác động đến đời sống**

**kinh tế, xã hội của người dân**

## 2.3. Kinh nghiệm trong và ngoài nước về TĐC

Qua nghiên cứu kinh nghiệm về TĐC trong và ngoài nước, có thể rút ra một số bài học bước đầu như sau:

*- Thứ nhất,* coi trọng lợi ích giữa các bên tham gia khi thực hiện dự án TĐC, đặc biệt là người dân bị ảnh hưởng.

*- Thứ hai,* cần có sự tham gia phối hợp giữa các bên liên quan, đặc biệt là sự tham gia của cộng đồng dân cư.

*- Thứ ba,* quan tâm giải quyết sinh kế cho người dân TĐC.

*- Thứ tư,* chuẩn bị và xây dựng kế hoạch TĐC sớm và chi tiết, đặc biệt đối với dự án có quy mô di dân lớn.

*- Thứ năm,* chính sách di dân TĐC phải đảm bảo phục hồi thu nhập và cải thiện cuộc sống cho người bị ảnh hưởng.

*- Thứ sáu,* cần chú ý đến những thiệt hại về tinh thần, những ảnh hưởng đến đời sống xã hội của người dân (các vấn đề về y tế, giáo dục, văn hóa, sự tiếp cận cộng đồng...) khi bố trí TĐC.

# Chương 3

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## 3.1. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở vận dụng những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, phương pháp tiếp cận tổng hợp và liên ngành với phương pháp tư duy phổ biến của triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; luận án sử dụng các phương pháp chung của nhóm ngành khoa học kinh tế và xã hội học. Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng để khai thác các số liệu, thông tin từ những công trình nghiên cứu hiện có và thực hiện điều tra, phỏng vấn thực địa bổ sung để làm rõ một số khía cạnh về tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân.

Luận án sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu định tính thông dụng bao gồm: phỏng vấn sâu một số chuyên gia; thảo luận nhóm, với một số cán bộ, chuyên gia có chuyên môn sâu về công TĐC, cụ thể là những người đang công tác trong lĩnh vực GPMB, TĐC của thành phố Hà Nội; những chuyên gia xây dựng các cơ chế, chính sách về đất đai, bồi thường, TĐC; nghiên cứu tình huống… Đồng thời, tác giả cũng sử dụng nghiên cứu định lượng: từ các số liệu định lượng về các nhân tố đất đai, nhà cửa, thu nhập việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa….đến đánh giá, kết luận về mức độ tác động của quá trình TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân tại các khu TĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cụ thể ở đây là sử dụng phương pháp điều tra, gửi phiếu hỏi theo mẫu bảng hỏi tại phụ lục kèm theo dưới đây; người trả lời tự trả lời, gửi lại kết quả. Các hình thức phỏng vấn được sử dụng: điện thoại, email, phỏng vấn trực tiếp đối mặt…

## 3.2. Phương pháp thu thập số liệu

Luận án sử dụng 2 phương pháp thu thập số dữ liệu là phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp, cụ thể như sau:

**Đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC**

**Dữ liệu thứ cấp**

Dữ liệu từ các bộ, tỉnh, thành

Y tế, giáo dục

Đất đai

Dữ liệu sách, báo tạp chí

Việc làm, TN

Văn hóa, cộng đồng

Nhà và công trình XD

Văn hóa, cộng đồng

Quản lý dân cư, DV công

Việc làm, thu nhập

**Dữ liệu thứ cấp**

Điều tra hộ gia đình TĐC

ANTT, môi trường

An ninh trật tự,

Vệ sinh môi trường

Phỏng vấn, xin ý kiến Ch/gia

Hình 3.1: Phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu

Tại nội dung đánh giá tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội, luận án dự kiến sử dụng phương pháp điều tra để làm rõ một số khía cạnh của việc nghiên cứu mà chưa có hoặc ít được đề cập đến: phỏng vấn bằng bảng hỏi đối với hộ gia đình TĐC. Ngoài ra, có tham khảo thêm các ý kiến của một số đối tượng có liên quan đến việc TĐC như: cán bộ của ban quản lý các dự án, chính quyền địa phương, một số chuyên viên, chuyên gia có am hiểu hoặc đã, đang liên quan đến công tác GPMB, TĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mục đích của khảo sát là thu thập dữ liệu để bổ sung, làm rõ thêm những nội dung tác động của TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân. Ngoài ra, việc khảo sát cũng nhằm trả lời câu hỏi liệu người dân TĐC có hài lòng với cuộc sống hiện tại sau khi đã di dời đến nơi ở mới. Tác giả lựa chọn ngẫu nhiên 300 hộ gia đình theo nguyên tắc cứ 3 hộ lại chọn một hộ trong danh sách 1000 hộ dân TĐC tại 5 khu TĐC tập trung của Thành phố (Vĩnh Phúc, Trung Hòa Nhân Chính, Dịch Vọng, Đền Lừ I và Định Công). Sở dĩ lựa chọn 5 khu TĐC nêu trên do đây là 5 khu TĐC tập trung đầu tiên của Thành phố được xây dựng có đầy đủ hạ tầng, tập trung đông các đối tượng TĐC từ các nơi trên địa bàn. Câu hỏi được thiết kế sẵn và được gửi đi đến các hộ dân. Kết quả thu về có 145 phiếu hợp lệ được sử dụng trong quá trình nhập liệu.

**Chương 4**

# THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN

## 4.1. Vai trò quản lý của Nhà nước về TĐC

Vai trò của Nhà nước là một phạm trù rất rộng, tuy nhiên có thể tóm lược lại là: (1) Nhà nước có vai trò xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; (2) Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội và (3) Nhà nước thực hiện việc giải quyết các vấn đề xã hội. Trong phạm vi nghiên cứu về TĐC và tác động đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân, luận án tập trung nghiên cứu, đánh giá vai trò của Nhà nước trong việc ban hành các cơ chế, chính sách, pháp luật đối với lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, và TĐC. Cụ thể là phân tích, đánh giá những cơ chế, chính sách được ban hành ở cấp Trung ương và Thành phố Hà Nội liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, TĐC mà cụ thể là hệ thống pháp luật về đất đai hiện hành.

Tác giả hệ thống hóa hệ thống khung pháp lý sau Luật đất đai 2003 ban hành, trình bày những nội dung nổi bật về bồi thường, TĐC và bổ sung những điểm mới về thu hồi đất đai và bồi thường, hỗ trợ, TĐC trong Luật đất đai 2013 hiện hành. Qua nghiên cứu hệ thống pháp luật về bồi thường, TĐC có thể nhận thấy, hệ thống pháp lý về đất đai nói chung, về TĐC và ổn định đời sống người dân nói riêng ngày càng được quan tâm và ngày càng hoàn thiện theo hướng có lợi cho người dân.

## 4.2. Khái quát về kết quả GPMB, TĐC ở Thành phố Hà Nội

### 4.2.1. Giai đoạn từ 2001- 2006

Giai đoạn này, trên toàn địa bàn thành phố Hà Nội đã thực hiện được 976 dự án, thu hồi diện tích đất 5.302ha (tăng khoảng 60%) so với giai đoạn 1996-2000, thực hiện bồi thường cho trên 14 vạn hộ dân với tổng kinh phí lên đến 8.538 tỷ đồng, bố trí TĐC cho 8.747 hộ (Năm 2000, hoàn thành GPMB được 64 dự án với diện tích đất được bàn giao 349ha. Năm 2001, hoàn thành 159 dự án (tăng 148%), bàn giao được 733 ha (tăng 110%). Năm 2002, hoàn thành 194 dự án (tăng 22%), bàn giao được 1003ha (tăng 36,8%). Năm 2003 hoàn thành 260 dự án (tăng 34%), bàn giao được 1.424ha (tăng 41,9%). Năm 2004 hoàn thành 261 dự án, bàn giao 875 ha. Năm 2005, GPMB được 184 dự án, bàn giao được 927ha...

### 4.2.2. Giai đoạn 2006 – 2013

Giai đoạn này, quy mô các dự án không ngừng được mở rộng cả về diện tích, số hộ bị ảnh hưởng, diện tích đất. Đặc biệt kể từ sau khi thành phố Hà Nội mở rộng địa giới hành chính theo Nghị quyết 15/NQ-QH của Quốc hội, bình quân hàng năm thành phố thực hiện hơn 1.000 dự án đầu tư (bao gồm cả dự án chuyển tiếp, dự án mới) có liên quan tới thu hồi đất, GPMB, TĐC tăng gấp 3 lần so với trước khi hợp nhất; quy mô thu hồi đất tăng gấp 4,5 lần lên khoảng 13.000ha, liên quan đến hơn 200.000 tổ chức, cá nhân, hộ gia đình; nhu cầu phải bố trí TĐC cho trên 20.000 hộ gia đình, cá nhân. Tính từ 2006 đến 2013, có 1991 dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố có liên quan trực tiếp đến di chuyển các hộ dân.

Từ sau năm 2000 đến nay, đã triển khai 80 dự án đầu tư xây dựng nhà TĐC với 20.272 căn hộ. Đã hoàn thành trên 12.073 căn hộ để bố trí TĐC, đã sử dụng cho TĐC 10.816 căn hộ. Lập 110 đồ án quy hoạch, dự án xây dựng nhà ở TĐC với tổng diện tích đất 1.304ha nhằm đáp ứng nhu cầu về quỹ nhà, đất TĐC với khoảng 50.000 căn hộ và 10.000 lô đất TĐC.

### 4.2.3. Những hạn chế, bất cập từ quá trình TĐC

- Chỉ đạo điều hành chưa sát sao, quy trình thủ tục còn lúng túng, cơ chế, chính sách trong việc điều tra, kiểm kê còn bất cập.

- Việc lập và triển khai quy hoạch còn chậm, chưa đáp ứng tiến độ dự án.

- Cơ chế đầu tư ở các khu TĐC còn hạn chế, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chất lượng nhà TĐC thấp.

- Vướng mắc trong việc cho vay đối với các dự án đặt hàng mua nhà TĐC phục vụ GPMB.

- Việc xác định giá bán nhà TĐC hiện nay chỉ bao gồm tiền xây dựng công trình và tiền sử dụng đất (chưa bao gồm tiền đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu vực). Do vậy, ngân sách Nhà nước vẫn phải bù lỗ khi bán nhà TĐC cho các hộ dân.

- Quan niệm về quỹ nhà, đất TĐC không thống nhất.

### 4.2.4. Những tác động của quá trình TĐC đối với người dân

*- Những tác động tích cực:* Việc phát triển các khu TĐC tập trung dạng khu đô thị mới có những tác động tích cực đến đời sống của người dân ở các mặt như chất lượng cuộc sống, sự thay đổi về cơ cấu kinh tế, việc làm, thu nhập của các hộ dân…

*- Các tác động tiêu cực:* Bên cạnh những tác động tích cực thì cũng gây lên không ít những tác động tiêu cực. Đó là các tác động về tình hình kinh tế và xã hội của người dân cũng như khu vực TĐC.

**4.3. Đánh giá tác động của quá trình TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân**

Qua khảo sát, có thể thấy đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC chịu ảnh hưởng khá nặng nề ở các yếu tố: nhà; đất; thu nhập việc làm; y tế, giáo dục; văn hóa và duy trì mối quan hệ cộng đồng; tiếp cận dịch vụ công và quản lý dân cư; an ninh trật tự và vệ sinh môi trường. Một số cuộc phỏng vấn trực tiếp với những người dân và một số cán bộ quản lý càng khẳng định và làm rõ thêm những tác động của những nội dung trên đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân. Kết quả điều tra cho thấy có 83% số người được hỏi cho rằng cuộc sống của họ khi đến khu TĐC tồi hơn so với trước đây, 9% cho rằng tồi hơn nhiều trong khi chỉ có 4% cho rằng cuộc sống tốt hơn trước. Điều này là một ngịch lý so với những tiêu chí mang tính nguyên tắc của các nhà hoạch định chính sách cũng như mong muốn của người dân tại các khu TĐC là khi TĐC thì cuộc sống của người bị ảnh hưởng phải tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ. Kết quả điều tra cũng chỉ rõ, phần lớn người dân tại các khu TĐC cảm thấy hối tiếc khi phải di dời đến nơi ở mới, tỷ lệ này chiếm đến 78%, đặc biệt có 11% cảm thấy rất tiếc khi phải di dời.

**Bảng 4.1: Đánh giá về đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tự đánh giá đời sống kinh tế xã hội hiện nay của gia đình | Hộ gia đình | Tỉ lệ |
| Tồi hơn nhiều | 13 | 9% |
| Tồi hơn | 120 | 83% |
| Như cũ | 5 | 3% |
| Tốt hơn | 6 | 4% |
| Tốt hơn nhiều | 1 | 1% |

*Nguồn: Kết quả điều tra và tổng hợp của tác giả, 2013*

Qua việc phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, có thể thấy: Đời sống kinh tế, xã hội của người dân bị ảnh hưởng nặng nề hoặc rất nặng nề do TĐC đem lại. Cụ thể ở các mặt kinh tế (đất đai, nhà cửa, thu nhập, việc làm) và xã hội (y tế, giáo dục; văn hóa và cộng đồng; tiếp cận dịch vụ công và quản lý dân cư; an ninh trật tự và vệ sinh môi trường). Mục tiêu của TĐC là tạo lập cuộc sống cho người dân tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ trên thực tế chưa đạt được.

**Chương 5**

# QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẰM ĐẢM BẢO BỀN VỮNG ĐỜI SỐNG KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ Ở HÀ NỘI

## 5.1. Phương hướng phát triển kinh tế, xã hội và đô thị của Thành phố Hà Nội và nhu cầu về TĐC

### 5.1.1. Phương hướng phát triển kinh tế, xã hội, đô thị của Thành phố Hà Nội

Mục tiêu tổng quát về phát triển Thủ đô Hà Nội là: Xây dựng, phát triển Hà Nội giàu đẹp, văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước, đảm bảo thực hiện chức năng là trung tâm chính trị, văn hoá, khoa học, công nghệ, giao thương và kinh tế lớn của cả nước. Bảo tồn và phát huy giá trị tinh hoa văn hoá truyền thống của Thủ đô ngàn năm văn hiến, xây dựng con người Hà Nội thanh lịch, văn minh, tiêu biểu cho trí tuệ và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; thiết lập các cơ sở hàng đầu của đất nước về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao. Có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, môi trường bền vững. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế của Thủ đô trong khu vực và quốc tế được nâng cao.

### 5.1.2. Nhu cầu về TĐC, ổn định đời sống kinh tế, xã hội người dân ở Thành phố Hà Nội

Trước những mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế, xã hội và đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội nêu trên, đặt ra nhiệm vụ rất nặng nề là việc triển khai các dự án theo quy hoạch, kế hoạch phát triển. Do đó, việc tiến hành GPMB, TĐC khi thực hiện các dự án là rất lớn. Dự kiến về nhu cầu nhà ở tái định cư của Hà Nội đến năm 2020 lên đến 50.000 căn hộ và 10.000 căn nhà thấp tầng. Trong đó giai đoạn từ 2013-2015, nhu cầu vốn để đầu tư xây dựng khoảng 15.000 căn hộ là 15.000 tỷ đồng và từ 2016 đến 2020 cần khoảng 25000 tỷ để xây khoảng 30.000 căn hộ.

Nhu cầu vốn đến 2020 của Thành phố ước khoảng 40.000 tỷ đồng để đầu tư cho nhà ở TĐC (bao gồm cả ngân sách và nguồn vốn khác), con số này cao gấp 4 lần tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản năm 2012 của Thành phố là 8.300 tỷ đồng. Theo dự báo, nhu cầu vốn cần khoảng 40.000 tỷ nhưng khả năng ngân sách của Thành phố chỉ đáp ứng được khoảng 16.000 tỷ tương đương 45%, số còn lại khoảng 24.000 tỷ phải được huy động từ các nguồn khác.

## 5.2. Quan điểm về đảm bảo bền vững đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC

*Một là,* TĐC cần được coi là quá trình phát triển, quá trình TĐC là tất yếu khách quan trong quá trình phát triển.

*Hai là,* trong quá trình TĐC cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước – chủ đầu tư dự án – người dân bị ảnh hưởng.

*Ba là,* lấy con người làm trung tâm của quá trình TĐC. Đây là quan điểm mang tính nguyên tắc áp dụng trong cả quá trình, từ khâu lập kế hoạch, bồi thường, hỗ trợ, bố trí TĐC.

*Bốn là,* coi trong sự tham gia của cộng đồng, các tổ chức chính trị, xã hội vào quá trình TĐC từ giai đoạn bồi thường đến hỗ trợ sinh kế.

*Năm là,* vận dụng nguyên tắc của cơ chế thị trường, đặc biệt trong bồi thường, hỗ trợ, tổ chức TĐC.

*Sáu là,* đảm bảo tối đa và bền vững đời sống kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, môi trường không chỉ của người dân mà của cả khu vực di dời lẫn nơi ở mới.

## 5.3. Các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC

### 5.3.1. Giải pháp đảm bảo về nhà TĐC

*- Giải pháp về quy hoạch:*Công tác quy hoạch về quỹ nhà TĐC là công việc quan trọng hàng đầu để phát triển quỹ nhà TĐC, đáp ứng nhu cầu GPMB, bố trí TĐC trên địa bàn Thành phố.

*- Đẩy mạnh xã hội hóa huy động vốn đầu tư xây dựng phát triển quỹ nhà TĐC,* Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng phát triển nhà TĐC. Nhà nước chỉ đảm bảo vốn Ngân sách như “vốn mồi” và hỗ trợ cho các khâu thiết yếu như xây dựng hạ tầng, nghiên cứu quy hoạch, hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ lãi suất… Thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài, trong đó tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, đặc biệt là các tổ chức kinh tế nước ngoài tham gia thị trường.

*- Nghiên cứu nâng cao kiến trúc, đổi mới công nghệ xây dựng và đảm bảo chất lượng nhà TĐC:*

### 5.3.2. Giải pháp về đổi mới, hoàn thiện về trình tự, thủ tục, xác định giá đất và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, TĐC

Dựa trên hệ thống pháp luật hiện hành về đất đai ở Việt Nam, việc xác định giá đất, giá trị bồi thường, hỗ trợ, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất là một nội dung hết sức quan trọng và cần tập trung:

- Quy định về phương pháp xác định giá đất phù hợp với giá thị trường.

- Hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động cung cấp dịch vụ định giá đất.

- Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thực hiện định giá đất, quyết định về giá đất phục vụ tính bồi thường, hỗ trợ, TĐC

### 5.3.3. Giải pháp về tạo việc làm, ổn định thu nhập

- Thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho người bị thu hồi đất

- Tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách về tạo việc làm và đảm bảo thu nhập ổn định

### 5.3.4. Các giải pháp về hỗ trợ giáo dục, y tế

*- Về giáo dục:* Thành phố cũng cần quy định cho các khu TĐC, đặc biệt là chính quyền phường sở tại có những biện pháp hỗ trợ người dân TĐC trong việc tiếp cận giáo dục đối với những người trong độ tuổi giáo dục.

*- Về y tế:* Về hạ tầng khu TĐC, việc xây dựng các trạm chăm sóc y tế còn tùy thuộc vào quy mô xây dựng của khu ở. Tuy nhiên, chính quyền địa phương cũng cần quan tâm đến vấn đề y tế đối với cộng đồng người TĐC đến nơi ở mới.

**5.3.5. Các giải pháp về đảm bảo về văn hóa, duy trì sự kết nối với cộng đồng**

*- Về đảm bảo đời sống văn hóa:* Việc đảm bảo duy trì các giá trị văn hóa đối với các hộ dân TĐC là hoàn toàn cần thiết và đóng vai trò khá quan trọng trong việc đảm bảo đời sống xã hội của người dân.

*- Về duy trì kết nối, hòa nhập với cộng đồng:* Ngoài các biện pháp bồi thường về vật chất, các biện pháp tuyên truyền, vận động, vai trò của các hội, đoàn thể là rất quan trọng (Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, hội người cao tuổi, đoàn thanh niên, tổ dân phố….).

### 5.3.6. Các giải pháp về quản lý dân cư, tiếp cận các dịch vụ công cộng

*- Về quản lý dân cư: C*ác cấp chính quyền cơ sở cần có sự phối hợp đồng bộ trong quá trình GPMB, TĐC đối với người dân. Các vấn đề về quản lý dân cư cũng nên được tiến hành đăng ký, khai báo đồng thời với việc hoàn thiện các thủ tục bàn giao nhà TĐC.

*- Về tiếp cận các dịch vụ công cộng:* Các khu TĐC được xây dựng cần chú ý những hạng mục như truyền hình cáp, internet, viễn thông… nhằm tạo các điều kiện thuận lợi cho các hộ dân khi đến sinh sống tại các khu TĐC, đảm bảo đời sống tinh thần cho người dân ngang bằng với những hộ định cư tại các khu đô thị mới.

### 5. 3.7. Các giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường

*- Về an ninh trật tự:* Có thể kết hợp các giải pháp mang tính kỹ thuật với các biện pháp tuyên truyền. Đó là trang bị các thiết bị theo dõi, lắp camera giám sát tại các nhà cao tầng, bố trí lực lượng trông giữ xe, phòng chống cháy nổ… cùng với các biện pháp tuyên truyền, phổ biến cho người dân mới đến TĐC ổn định tư tưởng, đề phòng kẻ gian, giữ gìn tài sản…

*- Về vệ sinh môi trường :* Cần thực hiện tốt nhiệm vụ đó để đảm bảo lợi ích về đời sống tinh thần cho người dân. Vận hành đồng bộ bộ máy quản lý tòa nhà để quản lý, kiểm soát hệ thống nước thải, hệ thống đổ rác tại các nhà TĐC cao tầng, tránh tình trạng người dân TĐC đến ở trong khu đô thị nhưng cuộc sống lại rất khó khăn (tình trạng đun bếp than, xả rác bừa bãi ngay trên các tầng cao)….

##

## KẾT LUẬN

Có thể khẳng định rằng quá trình TĐC trên địa bàn thành phố Hà Nội mặc dù đã đạt được kết quả bước đầu nhưng vẫn còn những hạn chế, bất cập, cuộc sống của người dân còn gặp khó khăn cả về kinh tế (vấn đề sở hữu nhà, đất, thu nhập việc làm bị ảnh hưởng) và vấn đề xã hội (y tế, giáo dục chưa được quan tâm; văn hóa, hòa nhập cộng đồng; hạn chế, khó khăn trong quản lý dân cư và tiếp cận các dịch vụ công cộng; vấn đề an ninh trật tự và vệ sinh môi trường…).

Với mục đích xây dựng cơ sở khoa học nghiên cứu về TĐC và tác động đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân, luận án chủ yếu tập trung vào một số nội dung nghiên cứu chủ yếu và đạt được những kết quả đạt sau:

- Dựa trên mô hình lý thuyết rủi ro bần cùng hóa và phục hồi sinh kế (IRR), ứng dụng một cách có chọn lọc trong nghiên cứu về TĐC và tác động đến đời sống kinh tế, xã hội, kết hợp với việc vận dụng khung sinh kế bền vững để hình thành khung lý thuyết của luận án. Ngoài ra, luận án cũng tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm qua nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn về quá trình TĐC và đời sống kinh tế, xã hội của người bị ảnh hưởng từ các nước trên thế giới và khu vực, một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam.

- Qua nghiên cứu, phân tích các tài liệu thứ cấp thu thập được về công tác TĐC và đảm bảo đời sống kinh tế, xã hội của người dân trên địa bàn Hà Nội, rút ra những tồn tại, hạn chế của công tác này trong quá trình thực hiện các dự án phát triển đô thị. Luận án cũng phân tích, đánh giá vai trò quản lý của Nhà nước đối với vấn đề TĐC và đảm bảo đời sống của người dân thông qua việc ban hành và thực hiện hệ thống các văn bản pháp lý về đất đai, về bồi thường, hỗ trợ, TĐC khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển. Qua việc điều tra thực địa tại 5 khu TĐC tập trung ở thành phố Hà Nội, luận án khẳng định về tác động của quá trình TĐC đến đời sống kinh tế, xã hội của người dân qua việc đánh giá các vấn đề: đất đai, nhà cửa, thu nhập – việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, hòa nhập cộng đồng, quản lý dân cư, tiếp cận dịch vụ công, an ninh trật tự và vệ sinh môi trường.

- Luận án cũng chỉ ra được những định hướng phát triển đô thị của thành phố Hà Nội trong tương lai, xác định mục tiêu phát triển, nhu cầu về TĐC và đề xuất các quan điểm giải quyết vấn đề TĐC và đảm bảo ổn định bền vững đời sống kinh tế, xã hội của người dân TĐC. Luận án cũng đề xuất 7 nhóm giải pháp chủ yếu nhằm ổn định bền vững đời sống kinh tế, xã hội của người dân trong quá trình TĐC.